CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Nhiệt điện Ninh Bình

Ngày 31/03/2025	11,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.3%	**3.6%**	**-5.7%**

DT thuần
Q1/25
46.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼115| -71.2%
YoY: ▼320| -87.3%

LN thuần
Q1/25
5.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.33| 252%
YoY: ▲ 2.47| 96.4%

LN sau thuế
Q1/25
5.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.86| 278%
YoY: ▲ 3.00| 148%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
10.8%
YoY: +/-▲ 12.8%

ROE (TTM)
Q1/25
-2.4%
YoY: +/-▲ 1.3%

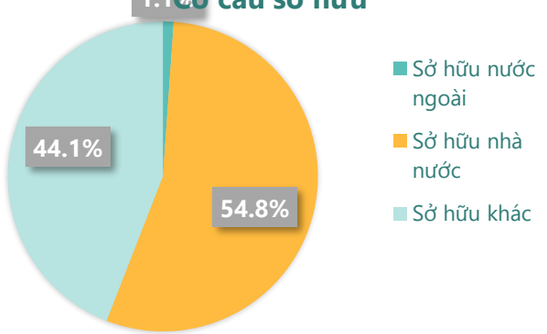
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	10,800 - 14,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	148
Số lượng CPLH (CP)	12,865,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,200
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	
EPS	-452
P/E	-25.5

DT thuần
2024
1,161
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 219| 23.2%

LN thuần
2024
-11.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼23.0| -206%

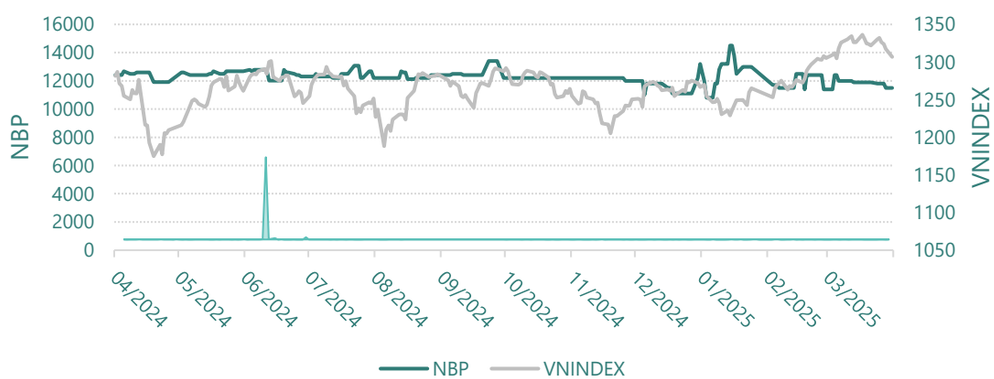
LN sau thuế
2024
-13.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.7| -252%

Cơ cấu sở hữu

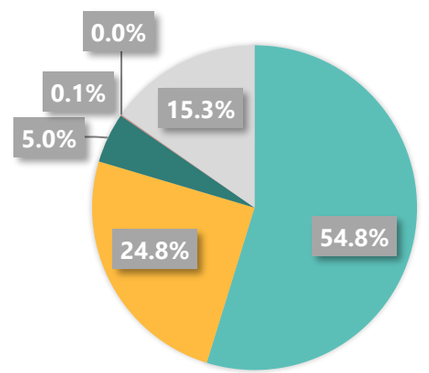


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

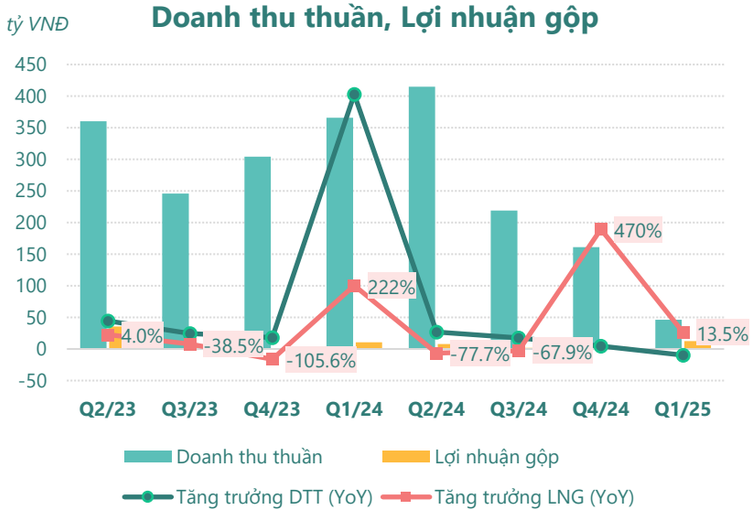




(Nguồn: fireant.vn)

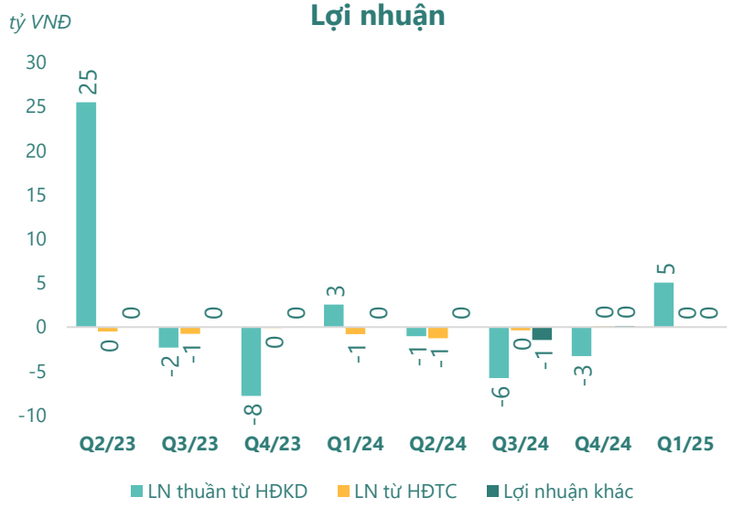
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



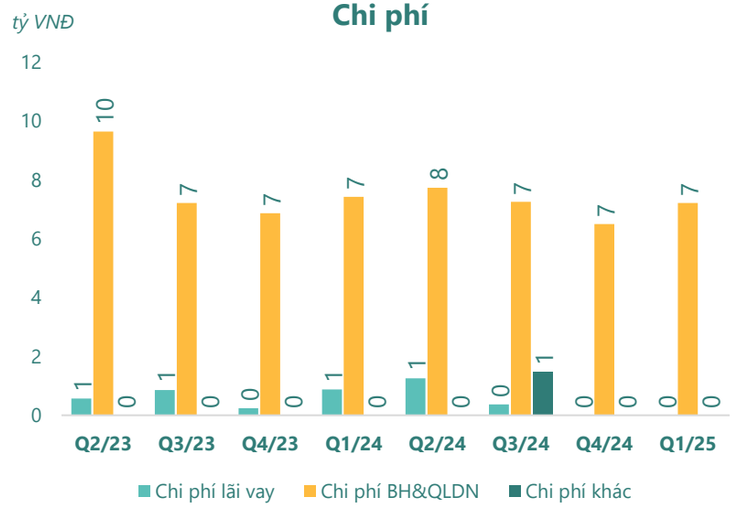
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



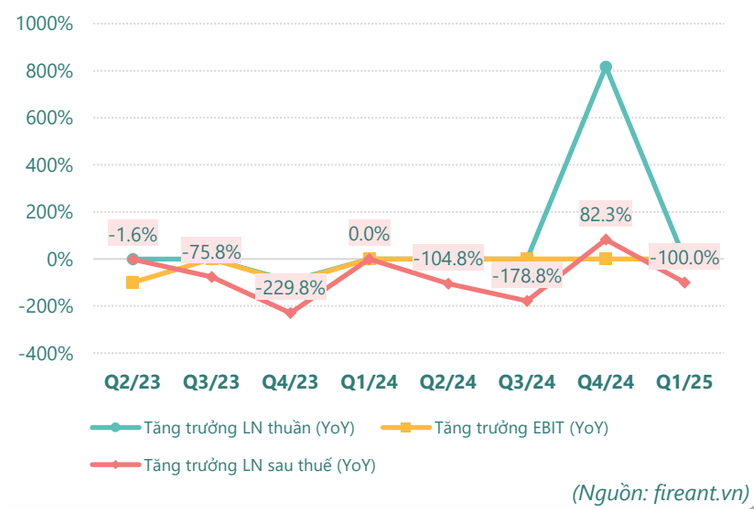
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



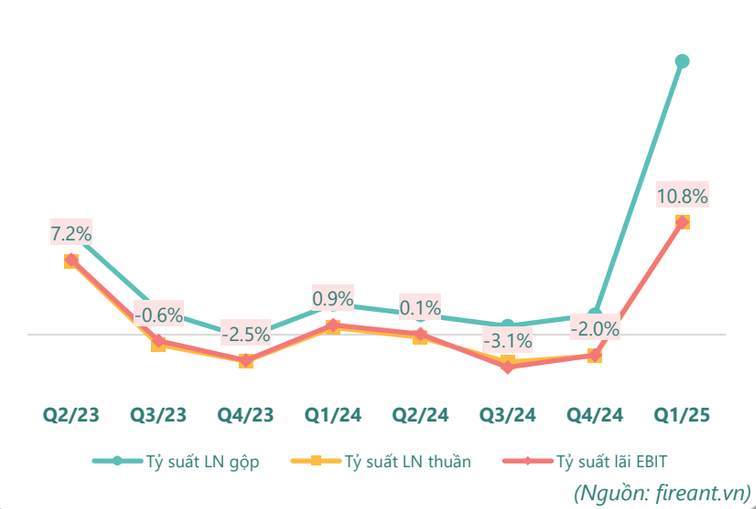
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



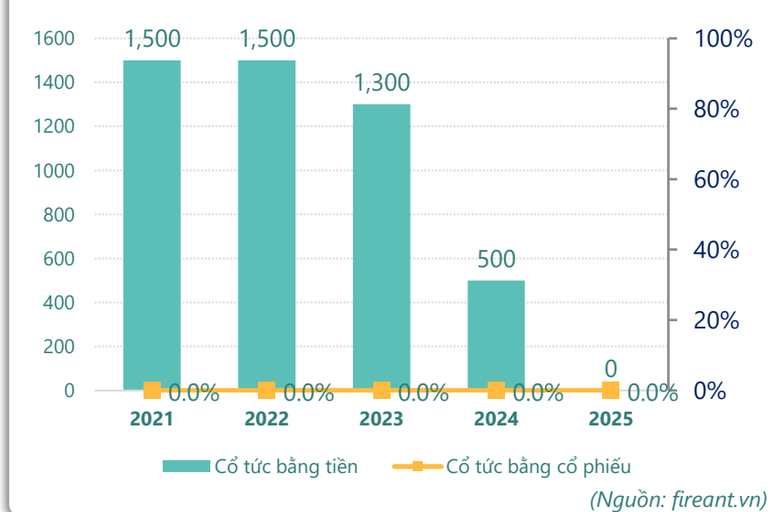
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

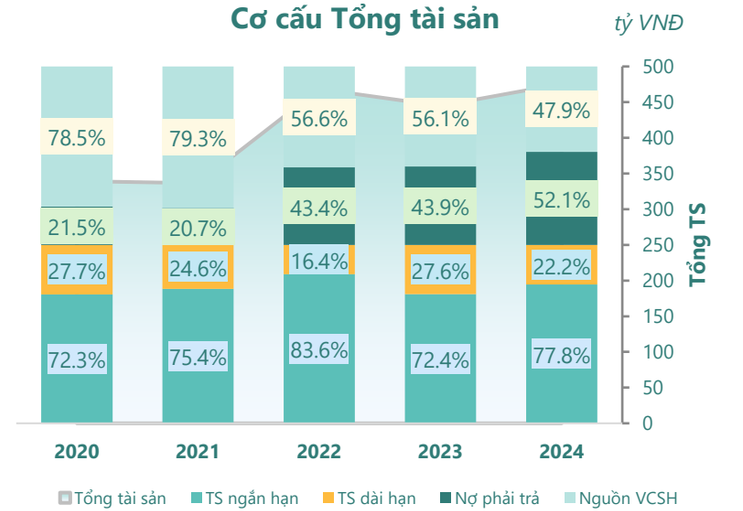
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

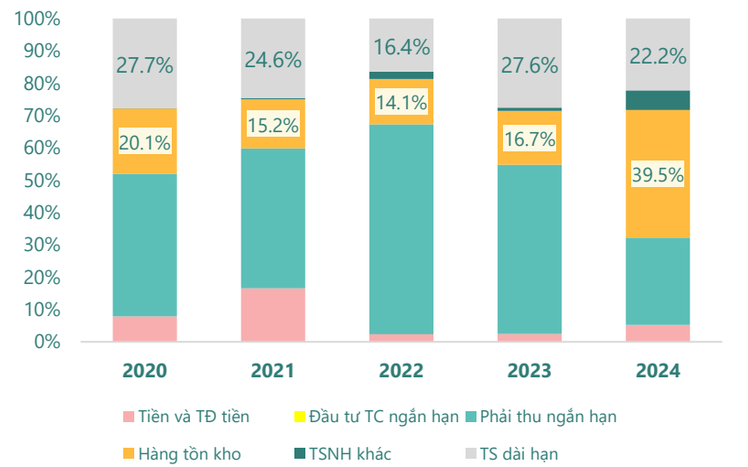
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



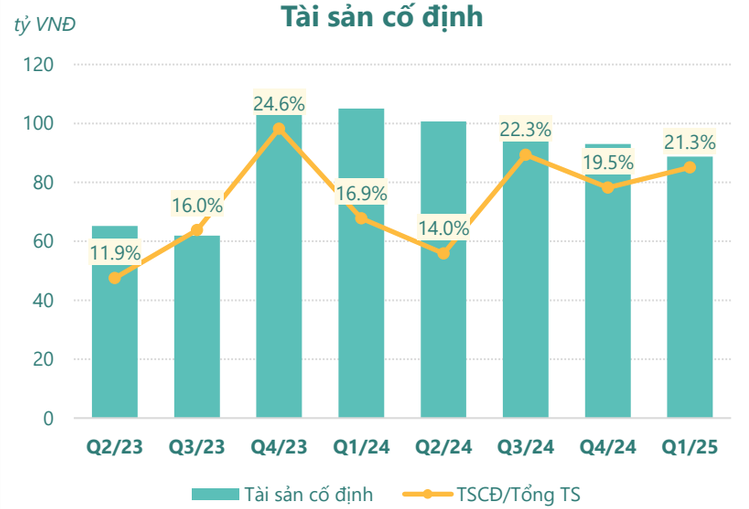
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



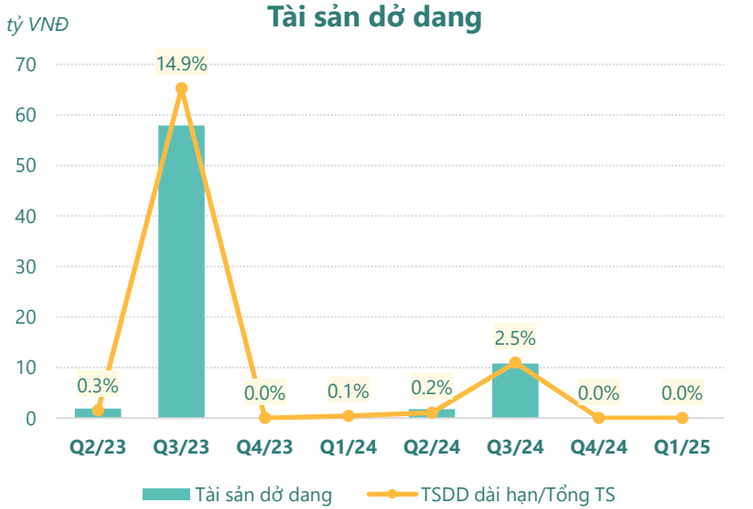
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



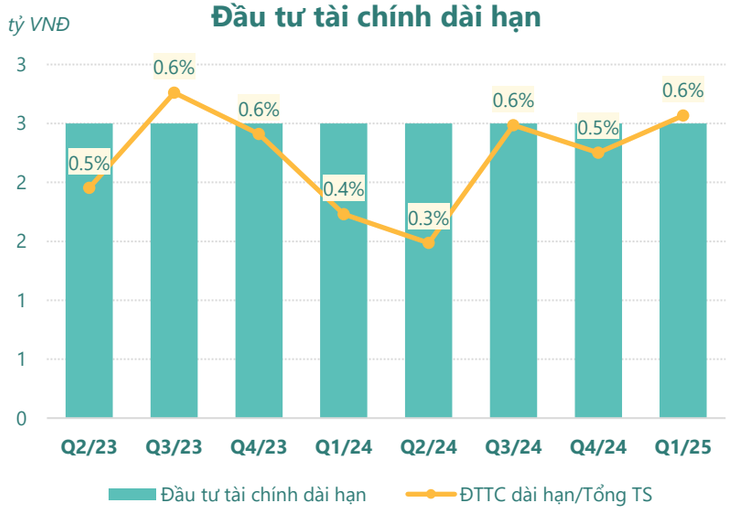
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



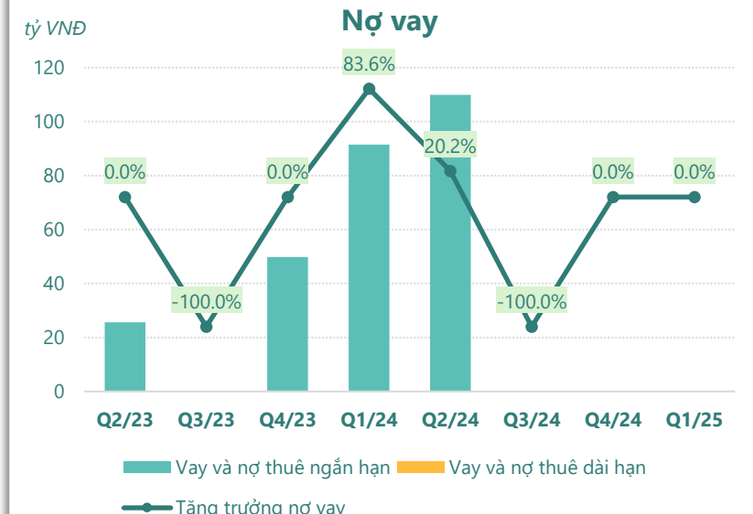
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

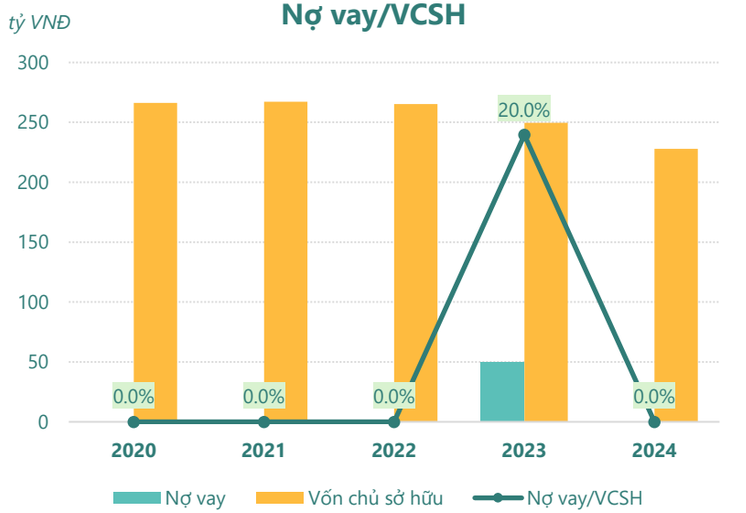
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

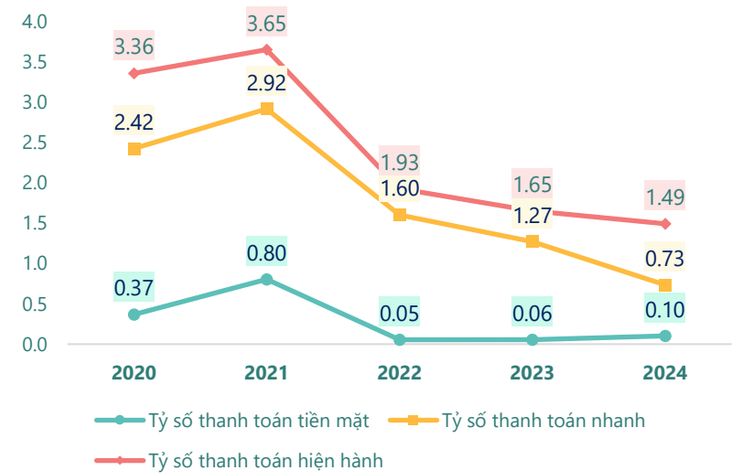
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



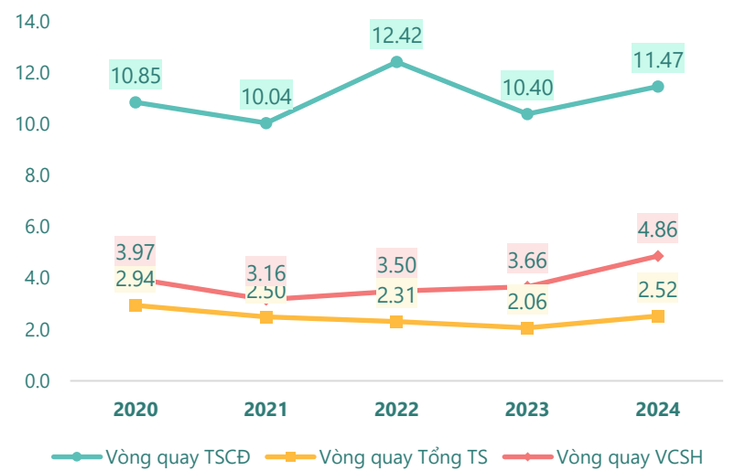
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



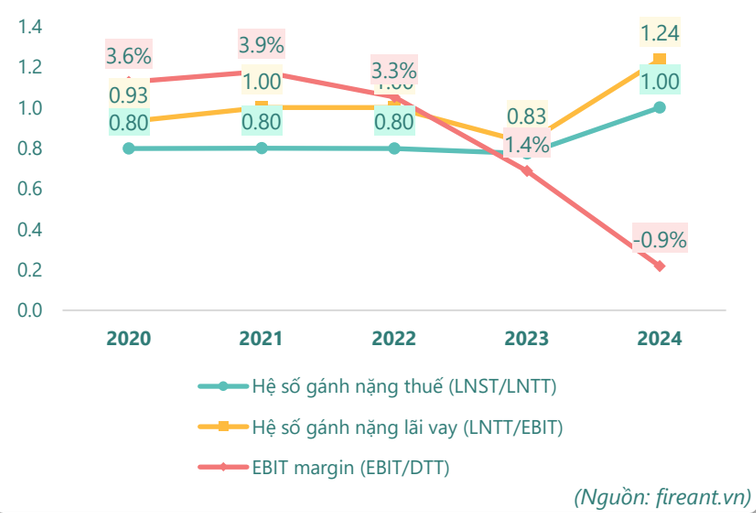
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



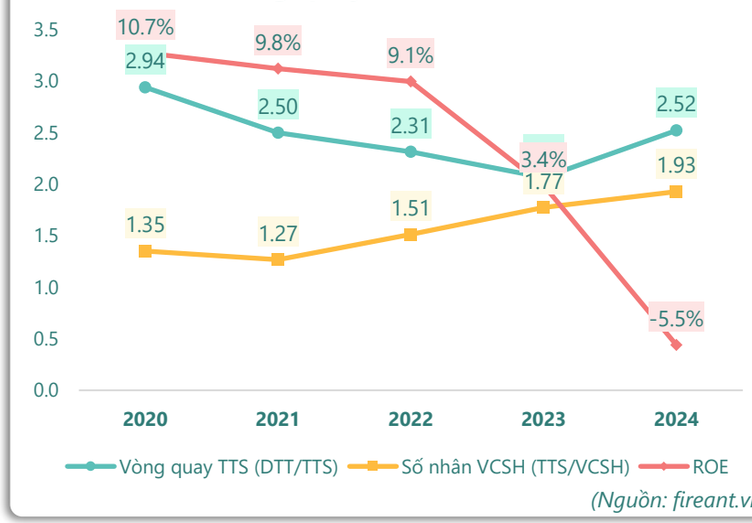
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



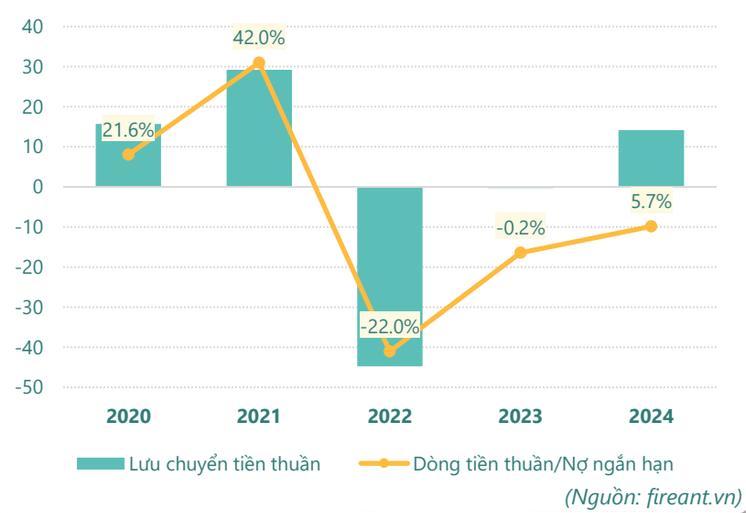
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**46.4**	**366**	**-87.3%**	**1,161**	**942**	**23.2%**
Giá vốn hàng bán	34.1	355	-90.4%	1,141	898	27.1%
Lợi nhuận gộp	12.2	10.8	13.4%	19.9	44.8	-55.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.08	-94.6%	0.20	0.32	-35.8%
Chi phí TC	0	0.88	-100%	2.50	2.35	6.4%
Chi phí lãi vay	0	0.88	-100%	2.50	2.35	6.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.02	0.04	-51.4%	0.14	0.19	-23.2%
Chi phí QLDN	**7.20**	**7.39**	**-2.6%**	**29.2**	**31.5**	**-7.1%**
LN thuần từ HĐKD	5.03	2.56	96.4%	-11.8	11.2	-206%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**-1.32**	**0.02**	**-8442%**
LN trước thuế	5.03	2.56	96.4%	-13.1	11.2	-217%
Lợi nhuận sau thuế	**5.03**	**2.03**	**148%**	**-13.1**	**8.64**	**-252%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.03**	**2.03**	**148%**	**-13.1**	**8.64**	**-252%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.8	-94.9	16.4	82.3	-292	-16.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.3	0.08	-0.10	0.01	0.21	-0.18
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	33.2	91.5	-11.4	-80.1	252	0.00
Tiền đầu kỳ	19.8	10.8	7.45	12.3	14.5	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.95**	**-3.35**	**4.85**	**2.21**	**-39.5**	**-16.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	10.8	7.45	12.3	14.5	-25.0	8.28

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**417**	**476**	**-12.3%**
Tài sản ngắn hạn	316	370	-14.6%
Tiền và tương đương tiền	8.28	25.0	-66.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	95.3	128	-25.8%
Hàng tồn kho	187	188	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	25.8	28.7	-10.0%
Tài sản dài hạn	**101**	**106**	**-4.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	88.7	93.0	-4.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.01	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.50	2.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**10.2**	**10.3**	**-1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	184	248	-25.6%
Nợ ngắn hạn	**184**	**248**	**-25.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	166	232	-28.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**233**	**228**	**2.2%**
Vốn chủ sở hữu	**233**	**228**	**2.2%**
Vốn điều lệ	129	129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)